

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ  
CTCP SOMECO SÔNG ĐÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 30 CT/TCKT  
(V/v MEC công bố BCTC tổng hợp  
quý 4 năm 2014)

Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2015

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**  
**Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

7. Tên Công ty: Công ty CP Someco Sông Đà
8. Mã chứng khoán: MEC
9. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, khu B, Tòa nhà Sông Đà,  
Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội
10. Điện thoại: 04.3783.2398 Fax: 04.3783.2397
11. Người công bố thông tin: Trần Thanh Sơn – Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP Someco Sông Đà
12. Nội dung của thông tin công bố:

Báo cáo tài chính tổng hợp quý 4 năm 2014 của Công ty CP Someco Sông Đà được lập ngày 15 tháng 01 năm 2015 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Văn bản số 32. CT/TCKT ngày 20/01/2015 giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế tổng hợp quý 4 năm 2014 so với cùng kỳ quý 4 năm 2013.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính tổng hợp quý 4 năm 2014 của Công ty CP Someco Sông Đà: [www.someco.com.vn](http://www.someco.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi
- Lưu P.TCKT; TCHC



*Trần Thanh Sơn*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>	...	<b>625,778,173,077</b>	<b>402,012,875,408</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	...	<i>23,049,984,017</i>	<i>2,550,673,355</i>
1. Tiền	111	V.01	23,049,984,017	2,550,673,355
2. Các khoản tương đương tiền	112	...		
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>	<i>V.02</i>	<i>14,420,000,000</i>	<i>6,385,510,455</i>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	...	20,277,200,000	10,277,200,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	...	-5,857,200,000	-3,891,689,545
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>	...	<i>388,585,914,049</i>	<i>241,282,240,269</i>
1. Phải thu khách hàng	131	...	337,548,490,973	216,607,969,377
2. Trả trước cho người bán	132	...	10,541,170,208	19,875,714,846
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	...		
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	...		
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	44,043,536,749	4,798,556,046
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	...	-3,547,283,881	
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	...	<i>170,077,712,041</i>	<i>133,417,192,622</i>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	170,077,712,041	133,417,192,622
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	...		
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>	...	<i>29,644,562,970</i>	<i>18,377,258,707</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	...		
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	...	15,823,574,146	11,146,660,758
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05		
4. Tài sản ngắn hạn khác	155	...	13,820,988,824	7,230,597,949
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>	...	<b>121,877,157,075</b>	<b>154,462,815,154</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>	...		
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	...		
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212	...		
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	214	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	...		
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>	...	<i>29,874,597,598</i>	<i>35,950,768,958</i>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	<i>27,517,605,424</i>	<i>34,308,768,958</i>
- Nguyên giá	222	...	121,949,774,523	102,196,682,024
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	...	-94,432,169,099	-67,887,913,066
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225	...		
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	...		
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	<b>1,620,000,000</b>	<b>1,620,000,000</b>
- Nguyên giá	228	...	2,120,000,000	2,120,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	...	-500,000,000	-500,000,000
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	<b>736,992,174</b>	<b>22,000,000</b>
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<i>240</i>	<i>V.12</i>		
- Nguyên giá	241	...		
- Giá trị hao mòn lũy kế	242	...		
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>	...	<i>83,995,607,048</i>	<i>91,231,100,937</i>
1. Đầu tư vào công ty con	251	...	90,342,142,141	97,734,142,141
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	...		
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	1,150,000,000	1,150,000,000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	...	-7,496,535,093	-7,653,041,204
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>	...	<i>8,006,952,429</i>	<i>27,280,945,259</i>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	8,006,952,429	27,280,945,259
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268	...		
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>250</b>		<b>747,655,330,152</b>	<b>556,475,690,562</b>



Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>	...	<b>601,593,792,335</b>	<b>431,681,847,202</b>
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>	...	<b>595,435,929,141</b>	<b>397,885,429,291</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	181,597,693,080	174,210,359,559
2. Phải trả người bán	312	...	118,297,822,094	51,927,269,853
3. Người mua trả tiền trước	313	...	133,224,332,728	91,558,104,508
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	62,450,835,763	30,387,006,966
5. Phải trả công nhân viên	315	...	10,257,085,043	1,760,394,880
6. Chi phí phải trả	316	V.17	19,346,540,323	21,160,400,759
7. Phải trả nội bộ	317	...		
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	...		
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	67,707,443,464	25,723,117,262
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	...		
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	2,572,176,646	1,158,775,504
<i>II. Nợ dài hạn</i>	<i>330</i>	...	<b>6,157,863,194</b>	<b>33,796,417,911</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331	...		25,914,728,101
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333	...	37,460,000	
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	230,625,000	230,625,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	...		
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	...	5,889,778,194	7,651,064,810
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	V.22	<b>146,061,537,817</b>	<b>124,793,843,360</b>
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>	...	<b>146,061,537,817</b>	<b>124,793,843,360</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	...	77,350,000,000	70,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	...	11,927,177,227	11,927,177,227
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	...		
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414	...		
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	...		
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	...		
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	...	36,872,389,696	31,255,272,249
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	...	4,581,558,825	3,826,858,254
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	...		
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	...	15,330,412,069	7,784,535,630
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	...		
<i>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>	<i>430</i>	...		
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	...		
<b>C. Lợi ích cổ đông thiểu số</b>	<b>439</b>	V.28		
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>440</b>		<b>747,655,330,152</b>	<b>556,475,690,562</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Khoản phải trả	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuê ngoài			
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			
Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi			
Nợ khó đòi đã xử lý			
Ngoại tệ các loại			158,01
Hạn mức kinh phí			
Nguồn vốn khấu hao cơ bản			

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2015

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

*Mai Thị Na*

Mai Thị Na



*Trần Thanh Sơn*

**CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tầng 15 khu B tòa nhà Sông Đà - Đường Phạm Hùng - Mỹ Đình - Từ Liêm - Hà Nội

Tel: 04.3.7.832.398

Fax: 04.3.7.832.397

MST: 5400240573



**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Quý IV năm 2014

Phần I - Lãi, lỗ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	135,158,734,033	49,335,117,029	246,712,599,714	209,004,099,590
2. Các khoản giảm trừ (03=04+05+06+07)	3	...		1,812,698,725	3,864,068,323	2,033,379,936
+ Chiết khấu thương mại	4	...				
+ Giảm giá hàng bán	5	...		1,812,698,725	3,864,068,323	2,033,379,936
+ Hàng bán bị trả lại	6	...				
+ Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu phải nộp	7	...				
3. Doanh thu thuần BH và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10	...	135,158,734,033	47,522,418,304	242,848,531,391	206,970,719,654
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	112,966,135,792	35,944,649,024	197,168,748,299	163,454,110,920
5. Lợi nhuận gộp BH và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	...	22,192,598,241	11,577,769,280	45,679,783,092	43,516,608,734
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	24,911,009	2,494,258,966	3,420,726,705	14,454,891,520
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	11,443,492,355	6,765,054,865	23,882,961,074	33,791,217,177
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	...	5,405,553,804	6,045,299,275	22,069,615,200	24,699,402,496
8. Chi phí bán hàng	24	...				
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	...	11,152,449,088	7,188,585,466	24,086,821,368	18,408,811,642
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	...	-378,432,193	118,387,915	1,130,727,355	5,771,471,435
11. Thu nhập khác	31	...	6,396,030,692		8,043,262,838	
12. Chi phí khác	32	...	1,050,120,791	-597,258,479	2,665,656,812	2,113,158,935
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	...	5,345,909,901	597,258,479	5,377,606,026	-2,113,158,935
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+41)	50	...	4,967,477,708	715,646,394	6,508,333,381	3,658,312,500
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	1,118,623,954	-42,082,965	1,773,972,220	1,746,745,044
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60	...	3,848,853,754	757,729,359	4,734,361,161	1,911,567,456
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	90	...	498	108	612	273



**CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, toà nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Từ Liêm - Hà nội  
 Tel: 04.3.7.832.398 Fax: 04.3.7.832.397

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(NĂM 2014 THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			NĂM 2014	NĂM 2013
<b>I</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và thu khác	01	105,344,032,395	574,110,837,066
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	-45,715,903,886	(41,847,063,633)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	-32,389,478,141	(43,878,324,236)
4	Tiền chi trả lãi vay	04	-17,306,804,224	(23,205,768,424)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-1,525,778,858	-1,543,980,656
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	406,165,082,754	64,124,231,194
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	-240,217,163,075	(292,875,104,491)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>174,353,986,965</b>	<b>234,884,826,820</b>
<b>II</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	0	0
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	51,318,185	0
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	0	0
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	0	0
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	0
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	0
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	50,076,284	106,764,224
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>101,394,469</b>	<b>106,764,224</b>
	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	0	0
2	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	0	0
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	5,000,000,000	6,500,000,000

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			NĂM 2014	NĂM 2013
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-158,310,814,830	(250,114,991,477)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	0	0
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	0	0
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>-153,310,814,830</b>	<b>-243,614,991,477</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>21,144,566,604</b>	<b>(8,623,400,433)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>2,550,673,355</b>	<b>11,174,073,788</b>
	<b>Số liệu bàn giao</b>	<b>61</b>	<b>-645,255,942</b>	<b>0</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	62	0	
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>		<b>23,049,984,017</b>	<b>2,550,673,355</b>

Hà nội, ngày 15 tháng 01 năm 2015

LẬP BIỂU



Mai Thị Na

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đàm Trung Kiên

TỔNG GIÁM ĐỐC



*Trần Thanh Sơn*

# CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2014

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Xây lắp, gia công và lắp đặt công trình cơ khí
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Hoạt động về kiến trúc, tư vấn về công nghệ và kỹ thuật có liên quan; Dịch vụ thiết kế kết cấu, Thiết kế các hệ thống kỹ thuật liên quan đến công trình; Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng; Đúc sắt thép, kim loại màu; Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp, đường dây và trạm biến thế đến 500KV); Sản xuất, mua bán khí ôxy; Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân.
4. **Nhân viên**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 657 nhân viên đang làm việc (tại ngày 01 tháng 01 năm 2013 là 474 nhân viên).

#### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.



# CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh (SXKD) dở dang cuối kỳ được xác định cho từng công trình (CT), hạng mục công trình (HMCT) như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD dở dang} \\ \text{đầu kỳ (CT, HMCT)} \\ \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD phát sinh} \\ \text{trong kỳ (CT, HMCT)} \\ \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{thực hiện trong kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \\ \text{(CT,} \\ \text{HMCT)} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{sản lượng dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \\ \text{(CT,} \\ \text{HMCT)} \end{array}$$

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế



# CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 06
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

## 6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty gồm:

### *Giá trị thương hiệu Sông Đà*

Giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định bằng 5% vốn điều lệ của Công ty theo Quyết định số 294TC/HĐQT ngày 25 tháng 5 năm 2004 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sông Đà khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Giá trị thương hiệu Sông Đà được khấu hao trong thời gian 05 năm và đã khấu hao hết.

### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

## 7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

## 8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

## 9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

## 10. Chi phí trả trước dài hạn

### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

### *Chi phí thuê văn phòng*

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê văn phòng.

## 11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

## 12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

### *Chi phí bảo hành công trình xây lắp*

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính bằng 3% trên doanh thu các công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành và có mức độ rủi ro cao.

# CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

---

## *Các hợp đồng có rủi ro lớn*

Khoản dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn được ghi nhận khi các lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng thấp hơn chi phí bắt buộc phải trả cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng.

## 13. Nguồn vốn kinh doanh

### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

## 14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

## 15. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

## 16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



# CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

---

## 17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

### *Doanh thu bán hàng hoá*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

### *Doanh thu xây dựng*

Doanh thu được ghi nhận khi công trình có quyết toán A-B hoặc Bản xác nhận khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành theo từng giai đoạn đối với các công trình có thời gian thi công dài và Phiếu giá thanh toán của chủ đầu tư. Các công trình đã có dự toán được phê duyệt thì giá trị hạch toán doanh thu là giá trị quyết toán công trình (không bao gồm thuế GTGT) mà Công ty được hưởng. Đối với các công trình chưa có dự toán được phê duyệt thì doanh thu được ghi nhận bằng giá trị được chủ đầu tư chấp nhận thanh toán theo Phiếu giá.

Các khoản chênh lệch giữa giá trị quyết toán công trình được chủ đầu tư duyệt và doanh thu đã được ghi nhận trong các kỳ trước được điều chỉnh tăng hoặc giảm doanh thu trong kỳ phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư.

### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

## 18. Tài sản tài chính

### *Phân loại tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

# CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## 19. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính.

### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

## 20. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## 21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## 22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

# CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.504.156.021	514.615.755
Tiền gửi ngân hàng	20.545.830.996	2.036.057.600
<b>Cộng</b>	<b><u>23.049.984.017</u></b>	<b><u>2.550.673.355</u></b>

#### 2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Đà Hoàng Liên	585.720	5.857.200.000	585.720	5.857.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc	357.000	3.570.000.000	357.000	3.570.000.000
Gửi tiết kiệm có kỳ hạn		10.000.000.000		
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà	85.000	850.000.000	85.000	850.000.000
<b>Cộng</b>		<b><u>20.277.200.000</u></b>		<b><u>10.277.200.000</u></b>

#### 3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Là khoản dự phòng Đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(3.891.689.545)	
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.965.510.455)	(3.891.689.545)
Hoàn nhập dự phòng		
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>(5.857.200.000)</u></b>	<b><u>(3.891.689.545)</u></b>

#### 4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu CBCNV	1.410.218.922	643.659.144
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	1.232.000.000	1.232.000.000
Phải thu các Công ty con	32.383.503.317	822.175.665
Công ty CP ĐT&PTĐ tây Bắc	6.143.301.295	
Các khoản phải thu khác	2.874.513.215	2.100.721.237
<b>Cộng</b>	<b><u>44.043.536.749</u></b>	<b><u>4.798.556.046</u></b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	23.338.471.816	5.062.444.865
Công cụ, dụng cụ	637.361.392	568.593.045
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	146.101.878.833	127.786.154.712
<b>Cộng</b>	<b>170.077.712.041</b>	<b>133.417.192.622</b>

### 6. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	13.462.788.824	6.854.371.949
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	358.200.000	376.226.000
<b>Cộng</b>	<b>13.820.988.824</b>	<b>7.230.597.949</b>

### 7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	13.777.480.436	65.067.546.370	21.088.729.012	2.262.926.206	102.196.682.024
Tăng do ĐCNB	7.832.566.986	16.674.258.138	25.260.412.630	63.772.727	49.681.010.481
Giảm do Quyết định giảm chờ thanh lý	3.916.283.493	10.205.860.560	15.892.001.202	63.772.727	30.077.917.982
<b>Số cuối năm</b>	<b>17.693.763.929</b>	<b>71.535.943.948</b>	<b>30.457.140.440</b>	<b>2.262.926.206</b>	<b>121.949.774.523</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	4.573.147.890	42.482.839.492	19.694.003.896	1.137.921.788	67.887.913.066
<b>Số cuối năm</b>	<b>9.905.482.539</b>	<b>53.774.442.499</b>	<b>28.872.070.770</b>	<b>1.730.173.600</b>	<b>94.282.169.408</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	9.204.332.546	22.584.706.878	1.394.725.116	1.125.004.418	34.308.768.958
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.788.281.390</b>	<b>17.611.501.449</b>	<b>1.585.069.670</b>	<b>532.752.606</b>	<b>27.517.605.424</b>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 31.110.584.978 VND và 6.754.584.367 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn và dài hạn.

### 8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Thương hiệu Sông Đà	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	1.620.000.000	500.000.000	2.120.000.000
Tăng trong năm			
Giảm trong năm			
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.620.000.000</b>	<b>500.000.000</b>	<b>2.120.000.000</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		500.000.000	500.000.000

### Giá trị hao mòn

# CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Thương hiệu Sông Đà</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm		500.000.000	500.000.000
Tăng trong năm			
Giảm trong năm			
<b>Số cuối năm</b>		<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	1.620.000.000		1.620.000.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.620.000.000</b>		<b>1.620.000.000</b>

### 9. Đầu tư vào công ty con

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco I <sup>(i)</sup>	3.975.247	39.752.465.515	3.975.247	39.752.465.515
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang <sup>(ii)</sup>	4.033.168	40.331.676.626	4.033.168	40.331.676.626
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco <sup>(iv)</sup>		5.000.000.000		5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco <sup>(v)</sup>		5.000.000.000		5.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>90.084.142.141</b>		<b>97.734.142.141</b>

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty cổ phần số 4900262326 ngày 02 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Someco I là 52.640.000.000 VND, tương đương 56% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã đầu tư thêm 1.890.665.515 VND. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã đầu tư 39.752.465.515 VND, tương đương 42 % vốn điều lệ (số đầu năm là 37.861.800.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Someco I là 12.887.534.485 VND.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 5100199853 ngày 04 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Someco Hà Giang 32.400.000.000 VND, tương đương 60% vốn điều lệ. Theo nghị quyết số 21/NQ/HĐQT ngày 27/07/2011 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Someco Sông Đà về việc tiếp tục góp vốn vào dự án Thủy điện Nậm Ly 1, Công ty sẽ đảm nhận và tiếp tục góp toàn bộ số vốn còn góp thiếu của các cổ đông còn lại không góp. Trong năm, Công ty đã đầu tư tăng thêm 2.054.426.626 VND. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã đầu tư 40.331.676.626 VND, tương đương 71% vốn điều lệ (số đầu năm là 38.277.250.000 VND, tương đương 65% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Someco Hà Giang là 10.693.745.374 VND.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số 0104835162 ngày 05 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã đầu tư đủ 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ vào Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty TNHH một thành viên số 0104755407 ngày 15 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp, Công ty đầu

# CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

tư vào Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã đầu tư đủ 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ vào Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco.

## 10. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà (nhận ủy thác đầu tư)	115.000	1.150.000.000	115.000	1.150.000.000
<b>Cộng</b>		<b>1.150.000.000</b>		<b>1.150.000.000</b>

## 11. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản dự phòng khoản lỗ của các công ty con.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(7.653.041.204)	(2.457.840.912)
Trích lập dự phòng bổ sung		(5.195.200.292)
Hoàn nhập dự phòng	156.506.111	
<b>Số cuối năm</b>	<b>(7.496.535.093)</b>	<b>(7.653.041.204)</b>

## 12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Tiền thuê đất Xưởng Cơ khí Đà Nẵng	8.233.516.252		226.563.823	8.006.952.429
Chi phí thuê văn phòng Tòa nhà HH4	19.028.048.340		19.028.048.340	
Chi phí công cụ dụng cụ	19.380.667	141.924.833	161.305.500	
<b>Cộng</b>	<b>27.280.945.259</b>		<b>19.415.917.663</b>	<b>8.006.952.429</b>

## 13. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	147.264.708.509	143.314.151.798
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoà Bình	147.264.708.509	143.314.151.798
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	34.314.984.571	29.314.984.571
- Tổng Công ty Sông Đà	34.314.984.571	29.314.984.571
Vay dài hạn đến hạn trả		1.581.223.190
<b>Cộng</b>	<b>181.579.693.080</b>	<b>174.210.359.559</b>

## 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	21.427.811.872	24.490.026.626	961.411.979	44.956.426.519
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.553.853.329	7.193.936.097	1.525.778.858	13.222.010.568
Thuế thu nhập cá nhân	1.405.341.765	623.860.788	1.160.389.816	868.812.737
Các loại thuế khác		8.000.000	8.000.000	
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		3.403.585.939		3.403.585.939



# CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cộng	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
		<u>30.387.006.966</u>	<u>35.719.409.450</u>	<u>3.655.580.653</u>

### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hoạt động xây lắp, kinh doanh điện nước và dịch vụ khác	10%
Bán vật tư, thiết bị	5-10%

### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.508.333.381	3.658.312.500
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		(207.254.937)
- Các khoản điều chỉnh tăng (các khoản chi phí không được trừ)	792.232.226	940.245.063
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)		(1.147.500.000)
Thu nhập chịu thuế	7.300.565.607	3.451.057.563
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>1.606.124.434</b>	<b>862.764.391</b>
Điều chỉnh thuế TNDN loại trừ năm 2012	25.778.858	
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp của các năm trước	142.068.928	883.980.653
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>1.773.972.220</b>	<b>1.746.745.044</b>

### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

## 15. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công trình	17.694.313.638	18.911.373.033
Chi phí khác	1.652.226.685	2.249.027.725
<b>Cộng</b>	<b>19.346.540.323</b>	<b>21.160.400.758</b>

## 16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	2.604.077.519	1.803.452.391
BHXH, BHYT, BHTN	19.941.480.850	7.121.958.988
1% kinh phí công đoàn để lại cơ sở	743.653.315	357.082.775
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.870.586.295	6.347.402.440
Phải trả Tổng công ty Sông Đà	8.707.371.730	4.190.028.236
Tiền phạt thuế	4.047.207.088	1.396.632.988

# CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ tự nguyện	140.529.151	14.684.499
Thuế thu nhập cá nhân phải nộp tại Lào		1.450.000.000
Nhận ủy thác đầu tư	1.150.000.000	1.150.000.000
Lương của CBCNV chưa nhận	597.792.317	488.404.497
Phải trả BDH Xekaman 3	15.947.972.339	
Các khoản phải trả khác	4.956.812.860	1.403.470.448
<b>Cộng</b>	<b><u>67.707.483.464</u></b>	<b><u>25.723.117.262</u></b>

### 17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.158.775.504	438.813.080
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.509.401.142	783.062.424
Chi quỹ trong năm	(96.000.000)	(63.100.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>2.572.176.646</u></b>	<b><u>1.158.775.504</u></b>

### 18. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>		
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội	230.625.000	230.625.000
<b>Cộng</b>	<b><u>230.625.000</u></b>	<b><u>230.625.000</u></b>

#### *Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống		1.581.223.190
Trên 1 năm đến 5 năm	230.625.000	230.625.000
Trên 5 năm		
<b>Tổng nợ</b>	<b><u>230.625.000</u></b>	<b><u>1.811.848.190</u></b>

#### *Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn*

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	230.625.000			230.625.000
<i>Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội</i>	230.625.000			230.625.000
<b>Cộng</b>	<b><u>230.625.000</u></b>			<b><u>230.625.000</u></b>

### 19. Dự phòng phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hành công trình xây lắp	5.889.778.194	5.425.875.855
Hợp đồng có rủi ro lớn		2.225.188.955
<b>Cộng</b>	<b><u>5.889.778.194</u></b>	<b><u>7.651.064.810</u></b>

*Chi phí bảo hành công trình xây lắp:* chủ yếu là dự phòng bảo hành công trình Thủy điện Nậm Chiến.

#### *Các hợp đồng có rủi ro lớn*

Hợp đồng đã ký kết với Ban điều hành dự án Thủy điện Nậm Chiến là hợp đồng điều chỉnh giá theo giá dự toán được phê duyệt. Trước đó, một số hạng mục đã được ghi nhận doanh thu theo Biên bản

## CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, toà nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 20. Vốn chủ sở hữu

#### Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	70.000.000.000	11.927.177.227	30.472.209.826	3.435.327.042	14.130.624.233	129.965.338.328
Lợi nhuận trong năm trước			783.062.423	391.531.212	1.911.567.456	1.911.567.456
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước					(1.957.656.059)	(783.062.424)
Chia cổ tức năm 2011					(6.300.000.000)	(6.300.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>11.927.177.227</b>	<b>31.255.272.249</b>	<b>3.826.858.254</b>	<b>7.784.535.630</b>	<b>124.793.843.360</b>
Số dư đầu năm nay	70.000.000.000	11.927.177.227	31.255.272.249	3.826.858.254	7.784.535.630	124.793.843.360
Lợi nhuận trong năm nay			191.156.746	95.578.373	4.734.361.161	4.734.361.161
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước					(477.891.897)	(191.156.745)
Tăng do sáp nhập CP Hòa Bình	7.350.000.000		5.425.960.701	659.122.198	3.289.407.143	16.724.490.042
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>77.350.000.000</b>	<b>11.927.177.227</b>	<b>36.872.389.696</b>	<b>4.581.558.825</b>	<b>15.330.412.069</b>	<b>146.061.537.817</b>

#### Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	35.700.000.000	35.700.000.000
Vốn góp của các cổ đông	41.650.000.000	34.300.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	11.927.177.227	11.927.177.227
<b>Cộng</b>	<b>89.277.177.227</b>	<b>81.927.177.227</b>



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

nghiệm thu khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành và Phiếu giá lập trên cơ sở giá dự toán chưa được phê duyệt. Ngày 27 tháng 9 năm 2010, dự toán công trình đã được phê duyệt và chênh lệch giữa giá trị tạm tính theo Phiếu giá của các hạng mục đã ghi nhận doanh thu với giá trị thanh toán theo dự toán phê duyệt là 2.225.188.955 VND được Công ty trích lập dự phòng giảm giá công trình.

# CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.735.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	7.735.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	7.735.000	7.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

### 1. Doanh thu

#### Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	246.712.599.714	209.004.099.590
- Doanh thu bán hàng hóa		1.091.006.232
- Doanh thu cung cấp dịch vụ và khác	573.922.556	2.870.515.178
- Doanh thu hoạt động xây dựng	246.138.677.158	205.042.578.180
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
- Giảm giá hàng bán	(3.864.068.323)	(2.033.379.936)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>242.848.531.391</u></b>	<b><u>206.970.719.654</u></b>

#### Trong đó:

- Doanh thu thuần bán hàng hóa		1.091.006.232
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ và khác	573.922.556	2.870.515.178
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	242.274.608.835	203.009.198.244

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp		1.091.006.232
Giá vốn của hợp đồng xây dựng (*)	197.168.748.299	162.363.104.688
<b>Cộng</b>	<b><u>197.168.748.299</u></b>	<b><u>163.454.110.920</u></b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	51.447.361	106.764.224
Lãi cho vay	3.369.215.981	13.200.627.296
Lãi CL tỷ giá	63.363	
Cổ tức, lợi nhuận được chia		1.147.500.000
<b>Cộng</b>	<b><u>3.420.726.705</u></b>	<b><u>14.454.891.520</u></b>

### 4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	22.069.615.200	24.699.402.496
Lỗ CL tỷ giá	4.341.530	4.924.844

# CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi vay thu các đơn vị		
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.809.004.344	9.086.889.837
<b>Cộng</b>	<b>23.882.961.074</b>	<b>33.791.217.177</b>
<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	13.485.573.314	9.346.345.382
Chi phí vật liệu quản lý	898.836.601	661.239.639
Chi phí đồ dùng văn phòng	198.850.000	60.727.559
Chi phí khấu hao TSCĐ	951.037.466	1.117.650.847
Thuế, phí và lệ phí	348.634.567	30.022.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.108.254.596	3.880.723.409
Chi phí bằng tiền khác	3.561.928.243	3.312.102.806
<b>Cộng</b>	<b>24.086.821.368</b>	<b>18.408.811.642</b>
<b>6. Thu nhập khác</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thanh lý CCDC	58.509.500	
Thu nhập từ bán hồ sơ thầu	41.818.185	
Các khoản khác	7.942.935.153	
<b>Cộng</b>	<b>8.043.262.838</b>	
<b>7. Chi phí khác</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi chậm nộp BHXH, BHYT	1.599.833.843	396.172.304
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.005.896.315	940.245.063
Chi phí khác	59.926.601	776.741.568
Điều chỉnh công nợ nhỏ lẻ	53	
<b>Cộng</b>	<b>2.665.656.812</b>	<b>2.113.158.935</b>

### 8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	Công ty con
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	Công ty con
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	Công ty con
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên	Công ty nhận vốn góp



# CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### Bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc  
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà

### Người lập biểu



Mai Thị Na

### Kế toán trưởng



Đàm Trung Kiên

### Mối quan hệ

Công ty nhận vốn góp  
Công ty nhận vốn góp

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2015

**Tổng Giám đốc**



Trần Thanh Sơn